

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

**CÔNG ĐỨC VÀO CHÙA Ở HÀ NỘI
NHỮNG NGHỊCH LÝ CỦA MỘT XÃ HỘI HIỆN ĐẠI**

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG^(*)
NGUYỄN MINH NGỌC^(**)

1. Công đức - cách huy động và khái niệm

Theo lẽ thường, chỉ khi nào người ta bước chân tới những chốn linh thiêng làm một việc tốt nào đó cho những vị thần, thì những việc ấy được gọi là công đức. Việc làm công đức trong một xã hội hiện đại như xã hội ta hiện nay được hiểu khá rộng, bao gồm các hành vi sau: Cúng tiền vào cho các đền, đình, chùa, giúp cho các di tích này có thêm kinh phí để bảo trì, tu sửa; Góp tiền vào làm một công việc từ thiện xã hội; Bỏ sức lao động của mình ra giúp ích cho đình, đền, chùa.

Xã hội càng hiện đại thì khái niệm công đức càng được hiểu rộng. Trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường thì khái niệm công đức - việc làm công đức đều được quy thành hàng hoá và tiền mặt. Có khá nhiều hình thức huy động công đức khác nhau như: hòm công đức, lao động công đức và phiếu ghi công đức.

a. Hòm công đức

Hòm công đức là hiện tượng phổ biến và đã có từ lâu. Các hòm này thường được đặt trong tam bảo, trong hậu cung các đền, đình, chùa nhằm thu hút tấm lòng nhân hậu của những người đi lễ.

Hành vi bỏ tiền vào hòm công đức của những người đi lễ hiện nay khá phổ biến vì họ muốn đóng góp tiền của vào những

công việc công đức cho đình, đền, chùa, nhưng vì là việc công đức nên không muốn ai biết cụ thể và chỉ có thần thánh mới biết họ bỏ vào đó bao nhiêu tiền. Việc dùng hòm công đức ở những nơi này còn để:

- Tránh các hiện tượng xấu như trộm cắp tiền công đức.
- Tiện cho công việc kiểm kê quỹ công đức trong mỗi di tích.

b. Lao động công đức

Lao động công đức là lao động của những người có tâm huyết với đình, đền, chùa và đó cũng là cái tâm của mọi người với các đấng Thần, Phật. Họ có thể là:

- Những người sau khi đã có đầy đủ về đời sống vật chất, con cái phượng trưởng, sau khi nghỉ làm việc tại các công sở thì bỏ tâm, bỏ tiền của vào công việc của Thần, Phật. Số này hiện tại không ít.

- Những người lớn tuổi tìm đến với Thần, Phật để vui đi nỗi nhọc nhàn đời thường. Họ phần đông là những người nghèo khó đến đó với cả một tấm lòng thành kính và hai bàn tay trắng. Họ muốn dùng sức lao động của mình để làm việc công đức với mong muốn được Thần, Phật phù hộ, độ trì cho con cái và người thân của mình.

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

**.. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Qua đây, có thể thấy rằng, làm công đức bằng lao động chân tay để thay tiền là một loại hình công đức vốn có từ lâu trong xã hội chúng ta. Nhưng trong nền kinh tế thị trường, những loại hình này lại không phổ biến lắm.

c. Phiếu ghi công đức

Đây là loại hình không có gì mới, chúng đã xuất hiện khá lâu rồi bằng quên đi khi cả dân tộc ta bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ. Sau ngày hoà bình, nhất là sau ngày Đổi Mới - kinh tế cả nước bước đầu tăng trưởng thì loại hình phiếu công đức được in tràn lan khắp các nơi. Hầu như ở nơi thờ tự nào người ta cũng có thể thấy phiếu và bàn ghi công đức. Hình thức ghi công đức là để ghi ơn những người cung tiến cho đình, đền, chùa một số tiền lớn hơn so với những người đi lễ bình thường. Chúng tôi nói như vậy bởi hiện tượng cúng tiền lẻ hiện đang phổ biến ở nhiều nơi. Đã có nhiều di tích xuất hiện dịch vụ đổi tiền lẻ ngay cổng đình, đền, chùa. Số tiền lẻ làm lễ dâng lên thần linh chủ yếu thể hiện tấm lòng thành là chính, mặc dù những người trông coi di tích vẫn quan tâm đến việc thu gom số tiền này. Tiền đã được ghi vào phiếu công đức thường là một số tiền chẵn mệnh giá lớn.

d. Bia ghi công đức

Bia ghi công đức là một hiện tượng xã hội phổ biến dưới thời phong kiến. Bia ghi lại tên tuổi và số tiền mà những người có công cung tiến vào di tích mỗi dịp tu sửa lớn. Song những tấm bia này phần lớn viết bằng chữ Hán, nên ít người có thể hiểu được. Hơn nữa để làm được tấm bia đá như vậy thì phải mất nhiều tiền, mất nhiều thời gian mà tác dụng dường như không nhiều. Để tránh những phiền toái

như vậy, đã có thời chúng ta gần như quên đi loại hình này. Nhưng vì đất nước ta là đất nước nhiệt đới gió mùa, nóng lắm mưa nhiều, khí hậu ẩm thấp nên các vật liệu nhẹ thường không giữ được lâu vì thế gần đây nhiều nơi dường như có xu thế muốn ghi công đức vào bia đá. Chúng ta đã thấy có nhiều bia đá ghi bằng chữ quốc ngữ xuất hiện trong các di tích nhất là các nhà thờ. Bên cạnh chữ quốc ngữ, những bài văn viết soạn bằng chữ Hán cũng xuất hiện mặc dù rất ít người biết tường tận bài văn bia này. Song chúng vẫn tồn tại như một nghịch lí của đời thường.

Bên cạnh các hình thức ghi công đức công khai này còn có một hiện tượng cung tiến đưa trực tiếp cho người trụ trì mà không cần ghi danh. Gần đây xu thế quản lí nhà nước ở nhiều địa phương có phần chặt chẽ hơn. Đã có nhiều mâu thuẫn nảy sinh từ vấn đề tiền công đức này. Một trong những lí do có nhiều hòm công đức trong một di tích cũng bắt đầu từ những chuyện quản lí như vậy. Tại một số địa phương chính quyền muốn thu tóm tiền công đức sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau, trong khi đó Ban quản lí di tích lại chỉ muốn sử dụng tiền này vào di tích do vậy mà có đủ các loại hòm công đức. Hòm công đức của chính quyền, hòm công đức của ban quản lí, hòm công đức của di tích... Chính những rắc rối này lại bắt đầu cho một loại công đức mới - hay “công đức ngầm” không cần ghi danh miễn là tiền đến tay những người trụ trì. Thần, Phật do đó sẽ được thông báo rằng người này có tâm hơn người kia. Cuộc rượt đuổi công đức cứ như vậy mà dài ra mãi.

Như vậy là hiện nay trong các chốn linh thiêng có nhiều loại hình huy động công đức. Tất nhiên cả tiền và công lao

động công đức chủ yếu là phục vụ cho công việc duy tu các cơ sở tôn giáo, duy trì các buổi lễ, đúc thêm các pho tượng, đúc thêm các quả chuông, cái khánh để thờ cúng... Nhưng dấu sao khái niệm công đức, theo chúng tôi, vẫn chưa được hiểu một cách thống nhất.

e. Khái niệm “công đức” nên được hiểu như thế nào?

Trong cuốn *Từ điển Phật học*, khái niệm “công đức” được hiểu như sau:

“Công đức (guna) có hai nghĩa:

Chỉ công năng phúc đức có được nhờ làm những việc thiện đồng nghĩa với phúc đức (punya).

Ấm chỉ trí huệ thanh tịnh, quả vị xuất thế, không thể đạt được qua các pháp nhân duyên sinh, phụ thuộc”⁽¹⁾.

Như vậy, chữ công đức trong Phật giáo có hai nghĩa, một là làm việc thiện để lấy phúc đức cho bản thân, con cháu, nghĩa khác là một quả vị xuất thế. Trong bài này, chúng tôi nói tới công đức theo nghĩa đầu.

Dù sao việc công đức là cái tâm của mọi người đến với Thần, Phật, đến với di tích những mong các di tích này ngày một khang trang, to đẹp và rộng rãi hơn. Cái tâm của họ đã mang đến những điều kỳ diệu không phải sau khi chết mà hiện tại đã trở thành hiện thực. Nhiều ngôi chùa, nhiều mái đình làng và các cơ ngơi khác mọc lên khá khang trang. Chỉ có điều sự khang trang này đã làm cho di tích trở nên hiện đại hơn - hiện đại đến mức vượt xa cái truyền thống vốn có. Có nhiều nơi, những người làm công đức trong tiềm thức của họ muốn di tích vừa khang trang vừa hiện đại nên gần như biến di tích thành ngôi nhà của mình. Sự thái quá của những người làm công đức đã

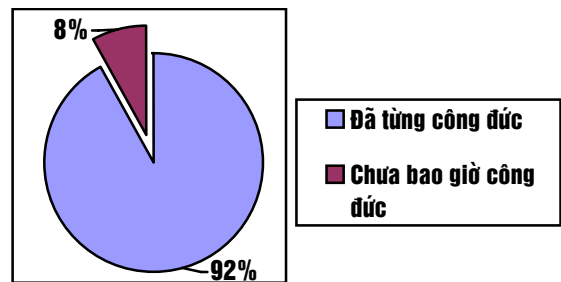
làm mất sắc thái của các tôn giáo truyền thống. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý nhà nước lại không có những hướng dẫn cụ thể nên đã góp phần hiện đại hoá các tôn giáo truyền thống.

2. Công đức ở chùa qua điều tra xã hội học

Qua khảo sát một số chùa ở Hà Nội như: Phúc Khánh, Quán Sứ, Chùa Hà và một số di tích khác, các nhà nghiên cứu đã lưu tâm tới vấn đề công đức. Sau nhiều lần quan sát, chúng tôi có được những tư liệu sau:

Công đức cho nhà chùa ngày nay là một hành vi có tính phổ biến của người đi lễ chùa. Biểu 1 cho thấy đại đa số người đi lễ (92%) đã từng công đức cho nhà chùa dưới nhiều hình thức khác nhau.

Biểu số 1:



Loại hình công đức chủ yếu là tiền mặt.

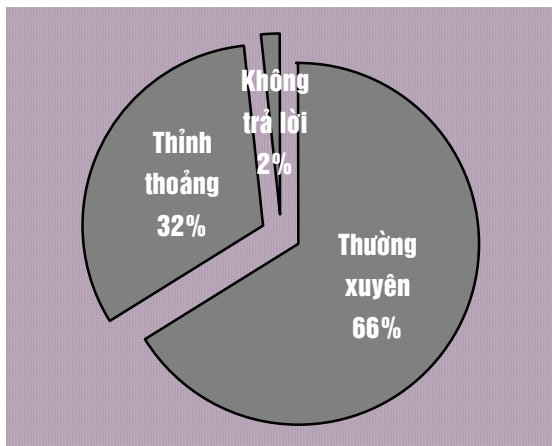
Bảng 1: Các hình thức công đức của người đi lễ chùa

STT	Loại hình công đức	Số lượng	Phần trăm
1	Tiền	395	85.3%
2	Hiện vật	21	4.5%
3	Sức lao động	15	3.2%

1. Chân nguyên Nguyễn Tường Bách. *Từ điển Phật học*, Nxb. Thuận Hoá, Huế 1999, tr. 97.

Số người công đức một cách thường xuyên cho nhà chùa chiếm tỉ lệ cao, lên tới 67%.

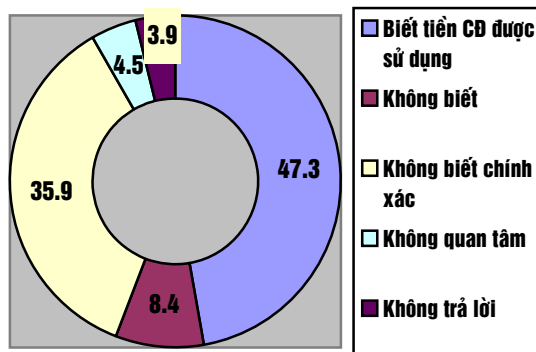
Biểu số 2: Tần suất bỏ tiền công đức



Gần một nửa số người đi lễ (47,3%) có bỏ tiền công đức biết số tiền công đức được sử dụng vào việc gì. Lí do chủ yếu nhất là để tu sửa chùa.

Ngoài ra phần đông không biết chính xác mục đích sử dụng của tiền công đức (35,9%). Xem biểu số 3.

Biểu số 3: Biết tiền công đức được sử dụng như thế nào



Vấn đề tiền công đức hiện vẫn còn là một trong những vấn đề phức tạp của Phật giáo. Tiền công đức của tín đồ dành cho nhà chùa có nhiều hình thức khác nhau. Phổ biến nhất là loại hình công đức một cách thường xuyên thông qua việc bỏ

tiền vào hòm công đức. Đối với nhiều chùa, đây cũng là nguồn thu chính. Mục đích chính của hòm công đức là nhận tiền của người đi lễ đóng góp sử dụng vào việc đèn hương và nếu có thể thì sử dụng vào việc tu tạo chùa. Chính vì vậy, không ít tín đồ Phật giáo cảm thấy choáng ngợp trước số lượng hòm công đức trong mỗi chùa. Thông thường mỗi ban đều có một hòm công đức. Chùa càng nhiều ban thì càng nhiều hòm công đức. Đôi khi, ban chính điện có hai hòm công đức đặt hai bên. Nhiều người đi lễ không biết mình nên bỏ công đức vào hòm nào. Nếu bỏ tiền công đức cho tất cả các hòm thì nhiều người cảm thấy không đủ khả năng về tài chính.

Nhiều trường hợp, hòm công đức bị lợi dụng một cách vụ lợi hoặc vì những tranh chấp hòm công đức mà có ngôi chùa khá nổi tiếng cho đến nay vẫn không có sư trụ trì. Ngược lại, ở nhiều chùa chỉ vì hòm công đức mà không sư nào muốn nhận làm trụ trì. Đó thường là những chùa thuộc khu vực ngoại thành, nơi người đi lễ chủ yếu là thành phần nghèo. Số tiền công đức thu được tại những chùa này hầu như không đủ chi trả cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của nhà chùa. Ngoài ra, những hình thức sử dụng công đức không đúng mục đích khiến nhiều người đi lễ có cảm giác không thoải mái.

Ngoài hình thức công đức thường xuyên và phổ biến là bỏ tiền vào các hòm công đức, người đi lễ còn tham gia vào các loại hình công đức khác như công đức cho chùa tùy theo công việc chùa phát động. Ví dụ, trước khi tu bổ chùa, đúc tượng hay chuông... nhà chùa thường có thông báo tín đồ thập phương công đức. Lúc này, tín đồ cúng dàng bằng cách đưa

tiền trực tiếp cho người trụ trì hay người quản lý công việc này của chùa. Số tiền công đức trong những trường hợp này thường lớn hơn rất nhiều số tiền được bỏ vào hòm công đức. Ngoài ra còn hình thức làm công giúp việc cho chùa, cúng chùa bằng hiện vật... Nhưng đây là những hình thức không mấy phổ biến.

3. Công đức vào chùa - những sức ép tạo nên nghịch lí của một xã hội hiện đại

Sau gần 50 năm, kể từ buổi mở đầu phong trào chấn hưng Phật giáo trên đất Việt Nam, Phật giáo Việt Nam đã chính thức có một giáo hội thống nhất. Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam được đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Đây là một cơ hội mới mở ra sự phát triển của Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo Hà Nội nói riêng.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, toàn Đảng, toàn dân ta bước vào một giai đoạn phát triển kinh tế mới. Quá trình đổi mới này đã làm cho nền kinh tế của nước ta vốn là nền kinh tế kế hoạch hóa, quan liêu bao cấp chuyển nhanh sang nền kinh tế hàng hoá. Tuy nhiên, quá trình Đổi Mới thực sự diễn ra nhanh chóng và thu được nhiều kết quả bắt đầu từ những năm 90 của thế kỉ XX.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã giúp cho nhiều doanh nghiệp, nhiều khu vực kinh tế cả nhà nước lẫn tư nhân có điều kiện phát triển. Nhiều khu liên doanh, nhiều khu công nghiệp mới đã mọc lên cùng với những tiến trình đô thị hoá diễn ra trên toàn quốc. Hà Nội những năm gần đây luôn đi đầu trong cả nước trong lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài. Sự chuyển

địch cơ cấu kinh tế, cùng với sự tăng nhanh tỉ lệ dịch vụ du lịch trong nền kinh tế quốc dân đã làm cho Hà Nội cũng như nhiều thành phố khác phát triển mạnh mẽ. Thu nhập kinh tế của nhân dân Thủ đô tăng nhanh làm cho nhu cầu tiêu dùng cũng tăng lên đáng kể. Bên cạnh đó, công tác từ thiện xã hội cũng như nhu cầu tâm linh ngày một tăng cao. Những dịch vụ phục vụ cho công việc tâm linh, lễ bái đã hình thành và không ngừng phát triển.

Trong quá trình Đổi Mới và phát triển kinh tế ấy, Phật giáo Hà Nội cũng dần phải tự đổi mới “bản thân mình” để theo kịp với nhịp sống công nghiệp của người dân Thủ đô.

Trong một luận văn cao học khảo sát về các dịch vụ Phật giáo tại 3 chùa Phúc Khánh, Quán Sứ và Chùa Hà (Hà Nội)⁽²⁾ chúng tôi đã chỉ ra những yếu tố mới xuất hiện và tăng mạnh trong quần chúng tín đồ. Số lượng người trẻ đi lễ ngày một tăng, số người đi quy có ghi chép trong sổ cũng tăng cao, số cán bộ công chức đi lễ chùa vào ngày rằm, mồng một và các lễ hội truyền thống không nhỏ. Để phù hợp với nhịp sống mới, hồi hải bận rộn hơn của quần chúng tín đồ một hệ thống các quầy hàng dịch vụ trước các cửa chùa đã mọc lên. Các dịch vụ ấy chủ yếu bán hương, hoa, hoa quả, bánh kẹo, sách báo kinh Phật và tìm hiểu về giáo lí Phật giáo, tranh ảnh tượng thờ, đồ lưu niệm, v.v... Với những dịch vụ như vậy, người đi lễ chùa không còn phải bận tâm sắm sửa lễ như trước đây.

Quan sát số lượt người vào chùa thắp hương thờ Phật chúng tôi bắt đầu nhận

2. Nguyễn Minh Ngọc. *Thực trạng hoạt động Phật giáo và những dịch vụ nghi lễ ở Hà Nội (qua khảo sát ba chùa)*. Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Xã hội học, năm 2004.

thấy một hình thức đặt lễ mới đó là dùng tiền lễ để thay đồ lễ. Chính nhu cầu này của tín đồ mà có một dịch vụ đổi tiền lễ ngay trước cửa chùa ra đời.

Cũng do kinh tế thị trường và sự chi phối của đồng tiền nên xuất hiện nhiều “Mạnh Thường Quân” tài trợ cho các chùa Hà Nội nhằm tăng khả năng tài chính trùng tu, tu sửa và “làm mới” ngôi chùa. Quá trình tu sửa này rất tùy tiện không theo sự chỉ dẫn của các nhà chuyên môn, các nhà quản lý nên có nhiều ngôi chùa mất đi cái dáng vẻ cổ xưa vốn có của nó. Thay vào đó là những ngôi chùa hai tầng, kiểu mới với xi măng cốt thép, sơn vôi loè loẹt làm mất đi cái thiêng liêng vốn có.

Bản thân các sư trụ trì các chùa cũng tự “đổi mới bản thân mình” bằng việc trang bị những kiến thức Phật học và những bằng cấp học hành tương ứng. Có nhiều nhà sư được tu học tại nước ngoài. Trong nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có mở nhiều trường học như Trung cấp Phật học ở tỉnh và thành phố, Đại học Phật giáo ở chùa Quán Sứ... Bên cạnh đó, Giáo hội cũng xây dựng một Học viện Phật giáo ở huyện Sóc Sơn. Việc quy chuẩn hoá, bằng cấp hoá các tăng, ni sư trong các chùa Hà Nội là một quá trình khẳng định bước phát triển mới của Phật giáo.

Gần đây, các sư trụ trì các chùa nội thành Hà Nội có xu hướng “bành trướng ảnh hưởng” của mình sang các khu vực lân cận. Sư thầy trụ trì chùa Phúc Khánh đã cho đúc pho tượng Phật nặng trên 30 tấn đặt tại chùa Non huyện Sóc Sơn. Bên dưới chân chùa Non, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã làm lễ động thổ xây dựng Học viện Phật giáo Việt Nam đặt tại Hà

Nội tạo thành một quần thể kiến trúc tôn giáo mới: Đền Sóc - Chùa Non - Học viện Phật giáo như một dự báo mới cho khu vực này ít lâu nữa sẽ trở thành một trung tâm Phật giáo lớn ở Thủ đô.

Các sư trụ trì các chùa Hà Nội cũng tăng cường xây dựng, trùng tu các chùa ở các vùng phụ cận. Một số nhà sư trụ trì các chùa ở Hà Nội còn kiêm nhiệm trụ trì tại các chùa ngoại tỉnh chưa có sư nhằm củng cố và hoàng dương sức mạnh Phật pháp.

Các chùa Hà Nội đã bắt đầu tham gia các hoạt động nhằm giảm thiểu những tệ nạn xã hội như nuôi dưỡng những người bị HIV giai đoạn cuối ở chùa Pháp Vân, những lớp học tình thương mở tại chùa Bồ Đề... Những dẫn chứng ấy, tuy chưa nhiều song thực tế đã cho phép chúng ta nghĩ tới sự tự đổi mới nhằm phát triển của Phật giáo Hà Nội.

Đây chính là lúc các chùa thờ Phật ở Việt Nam nói chung, các chùa ở Hà Nội nói riêng rất cần những khoản tiền nhằm hoàng dương những công việc đạo pháp của mình. Các hình thức công đức được nhà chùa rất chú ý. Các chùa Hà Nội cũng vậy, trước sức ép của một xã hội hiện đại họ cũng phải tự hiện đại bản thân mình để từ đó hoàng dương ảnh hưởng của mình sang các vùng khác. Nhiều nhà sư đã có ô tô riêng để tiện cho việc đi cúng. Nhiều phương tiện hiện đại đã được trang bị vào chùa, làm cho các chùa khác xa với những quy định từ thời xa xưa. Có thể có nhiều nhà sư hiểu điều đó, nhưng vẫn phải chiều ý các tín đồ nhất là những người có tiền.

Người dân Thủ đô, trong nhiều năm qua đã quen với lối sống đô thị, khi bước vào kinh tế thị trường họ lại càng có dịp

khuếch trương sức mạnh kinh tế của mình bằng cách cung tiến vào chùa rất nhiều tiền của. Nhiều người với địa vị xã hội của mình đã trở thành những nhà hảo tâm tài trợ các chùa. Trừ những người già cả vốn quen với nếp sống tần tiện lấy công để công đức còn ngay lớp bình dân công chức Hà Nội hiện nay, cứ tuần rằm đến chùa ngày một đông. Bắt đầu từ lớp trẻ, họ lên chùa không phải vì hiếu kì mà đến chùa với một tâm niệm mong Đức Phật phù hộ cho họ gặp nhiều may mắn trong cuộc sống. Họ vốn là những đứa con của nền kinh tế thị trường, bắt nhịp nhanh với lối sống thị trường nên trong tư duy của họ tiền là một sức mạnh tiềm tàng. Cuộc sống công nghiệp hối hả làm cho họ không có nhiều thời gian đi mua sắm đồ lễ; vì vậy họ công đức vào các chùa chủ yếu bằng tiền. Thói quen này lan dần ra nhiều tầng lớp xã hội khác. Nhiều người lớn tuổi hiện nay đến chùa trong tâm trạng thư thái, nhàn tản.

Chính từ những nhu cầu này, rất nhiều dịch vụ, như: dịch vụ bán đồ lễ,

dịch vụ cúng lễ theo yêu cầu của tín đồ, v.v... đã xuất hiện. Các chùa sử dụng đồng tiền công đức của họ như thế nào? Mọi người ít quan tâm câu hỏi này bởi tâm lí đi chùa cúng tiền là xong, còn các sư sử dụng như thế nào lại là việc của chùa.

Một xã hội đang hiện đại hoá, cùng với nó là những ngôi chùa, những nhà sư cũng đang tự hiện đại hoá mình nên chính họ đã tạo ra áp lực rất kinh tế thị trường. Vấn đề công đức theo cái nghĩa cổ truyền không còn lại bao nhiêu thay vào đó là một ý nghĩa mới của khái niệm này.

Có một nghịch lí của thời hiện đại mà ít người quan tâm đó là không ít người trong nền kinh tế thị trường đi chùa để tìm về với truyền thống, nhưng những đồng tiền mà họ công đức lại đang hàng ngày hàng giờ được sử dụng để gặm nhấm cái truyền thống đó và biến các ngôi chùa truyền thống này thành những chùa hiện đại. Cho dù trên thực tế, mục đích của việc làm công đức của những người đi chùa không hoàn toàn là như vậy./.